

Bản án số: 225/2018/HC-PT
Ngày 27 - 6 - 2018
V/v “Khiếu kiện quyết định thu hồi
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba;
Ông Lê Hoàng Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLPT-HC ngày 04 tháng 01 năm 2018 về “Khiếu kiện quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1312/2017/HC-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 407/2018/QĐPT-HC ngày 26 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Thanh Ph, sinh năm 1972 (có mặt).

Cư trú tại: Số 406A/16 ấp 1, xã APT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Hoàng Ch (có mặt).

Cư trú tại: Số 489/7A ML, phường BHH A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 15/01/2018).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 349 đường TT, thị trấn TT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông NLQ1, sinh năm 1964 (vắng mặt).

2. Bà NLQ2, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Số 404A/16 BH, ấp 1, xã APT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà NLQ3, sinh năm 1942 (vắng mặt).

Cư trú tại: Số 406A/16 ấp 1, xã APT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông NLQ4, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cư trú tại: Số 405A/16 ấp 1, xã APT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông NLQ5, sinh năm 1967 (vắng mặt).

6. Bà NLQ6, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Số 803A/16 ấp 1, xã APT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông NLQ7, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cư trú tại: Số 778A/16 ấp 1, xã APT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, ông NLQ4, ông NLQ5, ông NLQ7: Ông Nguyễn Hoàng Ch (có mặt).

- Người kháng cáo: Người khởi kiện - ông Lê Thanh Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, ông Lê Thanh Ph trình bày:

Diện tích 847m² thuộc thửa 702 tờ bản đồ 27 xã APT, huyện BC có nguồn gốc do cha mẹ ông là ông Lê Văn T và bà NLQ3 khai phá sử dụng. Ngày 26/8/2004, gia đình ông được UBND huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1445/QSDĐ/APT với diện tích 847m². Trước đó, năm 1999, ông T và bà NLQ3 làm giấy ủy quyền cho ông NLQ1 một phần đất, diện tích: 5m x 40m trong tổng số 847m². Năm 2006, ông NLQ1 chuyển nhượng phần đất này cho ông Lê Văn Đ. Năm 2008, ông NLQ1 và vợ là bà NLQ2 được UBND huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 560/2008/UB-GCN. Khi gia đình phát hiện đã khiếu nại yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của ông NLQ1. Ông NLQ1 và bà NLQ2 cũng thừa nhận việc xin cấp giấy là không đúng, đồng ý trả lại đất cho gia đình. Tuy nhiên, UBND huyện BC không xem xét về việc cấp giấy cho ông NLQ1, bà NLQ2 mà lại ban hành Quyết định số 5174/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện BC cấp cho hộ ông T ngày 26/8/2004, với lý do cấp không đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 2, Khoản 3 Điều 36 Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản

hướng dẫn Luật Đất đai là không đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, ông Ph khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5174/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 của UBND huyện BC. Ông Ph rút yêu cầu khởi kiện về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 560/2008/UB-GCN ngày 31/3/2008 của ông NLQ1 và bà NLQ2.

Người bị kiện, UBND huyện BC trình bày:

- Cơ sở pháp lý của việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất của ông NLQ1 và bà NLQ2 như sau: Theo Đơn tường trình nguồn gốc nhà đất của ông NLQ1 và bà NLQ2 được UBND xã APT xác nhận ngày 10/12/2007, có nội dung: Nhà do ông NLQ1 và bà NLQ2 tự xây dựng năm 1988 trên phần đất do cha là ông T cho năm 1988, có Giấy ủy quyền cho con đất ở của ông T và bà NLQ3 được UBND xã APT xác nhận ngày 19/8/1999, sử dụng ổn định năm 1988 đến nay. Theo Tờ đăng ký nhà đất do ông NLQ1 và bà NLQ2 kê khai ngày 01/8/1999 được UBND xã APT xác nhận ngày 31/12/2001, phần đất thuộc thửa 433 tờ bản đồ số 04 tài liệu 02/CT-UB, diện tích 200m² (5m x 40m) bộ địa chính xã APT, huyện BC có nguồn gốc đất do cha mẹ cho năm 1988, nhà do ông NLQ1 và bà NLQ2 tự xây dựng năm 1988, tình hình sử dụng đất là ở ổn định. Quá trình đăng ký quản lý và sử dụng: Theo tài liệu 299/TTg thuộc thửa 491 tờ bản đồ số 02 diện tích 1200m², loại đất TC (thổ cư) do ông T đăng ký sử dụng tại quyền 1, trang thứ 27, số thứ tự 81. Theo tài liệu 02/CT-UB thuộc thửa 433 và 883 tờ bản đồ số 04 bộ địa chính xã APT, huyện BC đã được cấp Giấy chứng nhận cho ông T. Theo tài liệu bản đồ địa chính thuộc thửa 702 (phân chiết từ thửa 63, 64) tờ bản đồ số 27 diện tích 172,9m² Bộ địa chính xã APT, huyện BC được UBND huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 560/2008/UB-GCN ngày 31/3/2008 ông NLQ1 và bà NLQ2. Tại Biên bản làm việc ngày 17/01/2013 của Phòng Tài nguyên và Môi trường với ông NLQ1, xác định: “Căn nhà số 404A/16 là do tôi tự xây dựng ban đầu là vách lá, mái lá, sau đó tôi tự sửa chữa lại là vách lá, mái tôn từ lúc lập gia đình ra riêng đến nay không tranh chấp, thời điểm phát sinh tranh chấp là năm 2009”. Như vậy, việc UBND huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 560/2008/UB-GCN ngày 31/3/2008 cho ông NLQ1 và bà NLQ2 là đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 9, Điều 13 Mục 1 Chương III Quyết định số 54/2007/QĐ-UBND ngày 30/3/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận tại Thành phố Hồ Chí Minh và đảm bảo điều kiện cấp giấy theo quy định tại Khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; điểm q khoản 2 Điều 10 Chương II Quyết định số 54/2007/QĐ-UBND ngày 30/3/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ sở pháp lý, trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/8/2004 cấp cho hộ ông T như sau: Ngày 06/5/2015, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 1050/BC-TNMT –PC xác định UBND huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T thuộc một phần thửa 433 tờ bản đồ số 04 tài liệu 02/CT-UB, diện tích 847m² Bộ địa chính

xã APT, huyện BC là không đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993. Ngày 16/6/2015, Thanh tra Huyện có Báo cáo số 328/BC-TTH về kết quả thẩm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T. Ngày 24/6/2016, UBND huyện BC ban hành Quyết định số 5174/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AA-159535, sổ vào sổ 1445/QSDĐ/APT ngày 26/8/2004 do UBND huyện BC cấp cho hộ ông T. Như vậy, UBND huyện BC ban hành Quyết định số 5174/QĐ-UBND là đúng quy định pháp luật tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và điểm c Khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Ngoài ra, kết quả thẩm tra của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Báo cáo số 605/BC-TNMT-PC ngày 23/10/2014 và Báo cáo số 1050/BC-TNMT-PC ngày 06/5/2015 đều xác định: “UBND huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông NLQ1 và bà NLQ2 là đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 13 Mục 1 Chương III Quyết định số 54/2007/QĐ-UBND ngày 30/3/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và đảm bảo điều kiện cấp giấy theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và điểm q khoản 2 Điều 10 Chương II Quyết định số 54/2007/QĐ-UBND ngày 30/3/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh”. Do đó, UBND huyện BC giữ nguyên Quyết định số 5174/QĐ-UBND, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ph.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 và bà NLQ2 trình bày: Ông T và bà NLQ3 có làm Tờ ủy quyền cho sử dụng 5m x 40m thuộc thửa 702 tờ bản đồ 27 xã APT của phần đất 847m². Ông bà đã làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận và được UBND huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 560/2008/UB-GCN ngày 31/3/2008. Ông bà đã không trung thực khi kê khai và chưa thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nên đồng ý Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 560/2008/UB-GCN ngày 31/3/2008.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ3, ông NLQ5, bà NLQ6, ông NLQ7, ông NLQ4 trình bày: Ông T và bà NLQ3 lập vườn năm 1963. Ngày 24/6/2016, UBND huyện BC ban hành Quyết định số 5174/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AA-159535, sổ vào sổ 1445/QSDĐ/APT ngày 26/8/2004 do UBND huyện BC cấp cho hộ ông T là không đúng quy định pháp luật. Các ông bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1312/2017/HC-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158; Điều 173; Điều 193; Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Bác khởi kiện của ông Lê Thanh Ph yêu cầu hủy Quyết định số 5174/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 của UBND huyện BC.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Lê Thanh Ph về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 560/2008/UB-GCN ngày 31/3/2008 của ông NLQ1 và bà NLQ2.

Ngoài ra, bản án hành chính sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 05/10/2017, ông Lê Thanh Ph kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Ph xác nhận đã nhận được Quyết định số 374/QĐ-GQKN ngày 10/5/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại đối với yêu cầu thay đổi Thẩm phán. Ông Ph trình bày: Năm 2004, ông T, bà NLQ3 được cấp giấy CNQSDĐ, diện tích 847m². Trước đó, năm 1999 ông T, bà NLQ3 có cho ông NLQ1 200m² đất nhưng các thành viên trong gia đình không biết nên không có giá trị pháp lý. Ông NLQ1 có làm nhà và ở trên đất trên từ năm 1986. Năm 2008, ông NLQ1, bà NLQ2 được cấp giấy CNQSDĐ nên ông Ph đã khiếu nại. Việc UBND huyện BC không hủy giấy CNQSDĐ của ông NLQ1, bà NLQ2 mà lại hủy giấy CNQSDĐ của ông T, bà NLQ3 là trái pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 5174/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 của UBND huyện BC.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Về đề nghị thay đổi Thẩm phán của ông Ph: Ngày 23/4/2018, ông Ph đề nghị thay đổi Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa. Ngày 10/5/2018, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 374/QĐ-GQKN về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Ph, có nội dung: Không chấp nhận yêu cầu thay đổi Thẩm phán Phan Đức Phương, được phân công Chủ tọa phiên tòa. Quyết định số 374/QĐ-GQKN nêu trên đã tổng đạt hợp lệ cho ông Ph. Như vậy, việc khiếu nại của ông Ph đã được giải quyết.

Đất tranh chấp có nguồn gốc của ông T, bà NLQ3 khai phá nhưng đến năm 1999 đã cho ông NLQ1 200m². Ông NLQ1, bà NLQ2 đã làm nhà và ở trên đất từ năm 1986 nhưng năm 2004, UBND huyện BC lại cấp giấy CNQSDĐ cho hộ ông T diện tích 847m², gồm cả 200m² đất ông NLQ1 bà NLQ2 đang sử dụng là trái pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của ông Ph không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Ph, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng

Kháng cáo của người khởi kiện, ông Lê Thanh Ph đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 23/4/2018, ông Ph đề nghị thay đổi Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa. Ngày 10/5/2018, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 374/QĐ-GQKN về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Ph, có nội dung: Không chấp nhận yêu cầu thay đổi Thẩm phán Phan Đức Phương, được phân công Chủ tọa phiên tòa. Tại phiên tòa, ông Ph xác nhận đã nhận được Quyết định số 374/QĐ-GQKN nêu trên và không có ý kiến. Như vậy, việc yêu cầu thay đổi Thẩm phán của ông Ph đã được giải quyết theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Về nội dung:

[1] Nguồn gốc 847m² thuộc thửa 702 tờ bản đồ 27 xã APT, huyện BC do ông T và bà NLQ3 (là cha mẹ ông Ph) khai phá sử dụng. Ngày 26/8/2004, hộ ông T được UBND huyện BC cấp Giấy CNQSDĐ số 1445QSĐĐ/APT, diện tích 847m², thuộc thửa 433, tờ bản đồ số 04 tài liệu 02/CT-UB, Bộ địa chính xã APT. Tại Tờ ủy quyền cho con đất ở do ông T và bà NLQ3 lập, được UBND xã APT xác nhận ngày 19/8/1999, có nội dung: Ủy quyền cho ông NLQ1 được quyền sử dụng diện tích 200m² (5m x 40m). Tại Tờ đăng ký nhà đất do ông NLQ1 và bà NLQ2 kê khai ngày 01/8/1999 được UBND xã APT xác nhận ngày 31/12/ 2001, có nội dung: Phần đất thuộc thửa 433 tờ bản đồ số 04, diện tích 200m² (5m x 40m), Bộ địa chính xã APT, huyện BC có nguồn gốc đất do cha mẹ cho năm 1988, tình hình sử dụng đất là ở ổn định.

[2] Như vậy, ông NLQ1 là người sử dụng 200m² thuộc một phần thửa 433 tờ bản đồ số 04 Bộ địa chính xã APT từ năm 1999, trên đất đã có nhà nhưng UBND huyện BC lại cấp giấy CNQSDĐ cho hộ ông T toàn bộ thửa 433 tờ bản đồ số 04 nêu trên là không phù hợp với thực tế sử dụng đất quy định tại Khoản 1 Điều 2; khoản 3 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; Mục I Phần II và Mục III Phần I Hướng dẫn số 176/HD-ĐĐ ngày 11/8/1994 của Ban Quản lý đất đai Thành phố Hồ Chí Minh; Mục 1 Chỉ thị số 18/CT-UB-KT ngày 04/5/1995 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh; điểm a khoản 2 Chương 2 Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC của Tổng cục Địa chính ngày 30/11/2001.

[3] Về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy CNQSDĐ và thông báo kết luận kiểm tra Giấy CNQSDĐ số 1445QSĐĐ/APT:

[3.1] Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại của ông Ph đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và QSDĐ ở do UBND huyện BC cấp ngày 31/8/2008 cho ông NLQ1, bà NLQ2, UBND huyện BC đã chỉ đạo Thanh tra huyện BC thực hiện việc thẩm tra việc cấp giấy CNQSDĐ đã cấp cho các hộ liên quan. Trên cơ sở Báo cáo số 328/BC-TTH ngày 16/6/2015 của Thanh tra huyện và Báo cáo số 2300/BC-TNMT-PC ngày 04/9/2015 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện nên UBND huyện BC ban hành Quyết định số 5174/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 là đúng quy định.

[3.2] Điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 quy định thu hồi Giấy CNQSDĐ đã cấp trong các trường hợp sau đây: “Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc

thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai”. Điểm b, điểm c khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai: “Trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan thanh tra cùng cấp thẩm tra; nếu kết luận là Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật thì thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do; sau 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho người sử dụng đất mà không có đơn khiếu nại thì ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp”.

[3.3] Hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 18/9/2015, UBND huyện BC đã ban hành Thông báo số 3083/TB-UBND về việc Thông báo kết luận kiểm tra Giấy CNQSDĐ số phát hành AA-159535, số vào sổ 1445QSDĐ/APT ngày 26/8/2014 do UBND huyện BC cấp cho hộ ông T tại xã APT. Như vậy, UBND huyện BC đã thực hiện đúng quy định nêu trên.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông Ph là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Ph, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Ph phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Khoản 1 Điều 30; khoản 3, Điều 32 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015; Luật Đất đai 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh Ph.
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1312/2017/HC-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bác khởi kiện của ông Lê Thanh Ph yêu cầu hủy Quyết định số 5174/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện BC.
4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Lê Thanh Ph về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 560/2008/UB-GCN ngày 31/3/2008 của ông NLQ1 và bà NLQ2.
5. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Lê Thanh Ph phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, được trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0031368 ngày 14/10/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông Ph đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông Lê Thanh Ph phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do ông Ph nộp theo biên lai số 0048016 ngày 25/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông Ph đã nộp đủ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 27 tháng 6 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (10);
- Lưu: VP (3), HS (2) 20b (án 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Đức Phương